

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trạm Kiểm lâm Trung Sơn, thuộc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trạm Kiểm lâm Trung Sơn, thuộc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5823/SXD-HĐXD ngày 18/9/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trạm Kiểm lâm Trung Sơn, thuộc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Trạm Kiểm lâm Trung Sơn, thuộc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.
2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.
3. Địa điểm xây dựng: Xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
4. Nhiệm vụ và khối lượng khảo sát, nhiệm vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Theo Tờ trình số 5823/SXD-HĐXD ngày 18/9/2020 của Sở Xây dựng.

5. Dự toán chi phí các công việc chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (làm tròn): 228.811.000 đồng; trong đó:

- |   |             |       |
|---|-------------|-------|
| - Chi phí khảo sát địa chất, địa hình   | 77.339.627  | đồng. |
| - Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát         | 2.320.189   | đồng. |
| - Chi phí giám sát công tác khảo sát    | 3.149.270   | đồng. |
| - Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: | 146.001.580 | đồng. |

*(Dự toán chi tiết kèm theo Tờ trình số 5823/SXD-HĐXD ngày 18/9/2020 của Sở Xây dựng).*

6. Nguồn vốn: Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh theo Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 2.** Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Trong quá trình triển khai các bước công việc tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5823/SXD-HĐXD ngày 18/9/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

(MC76.09.20)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

**Phụ lục: TỔNG HỢP DỰ TOÁN**

**Bước chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Trạm Kiểm lâm Trung Sơn,  
thuộc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu**

(Kèm theo Quyết định số:                     /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG + THIẾT BỊ</b>	Gxd	Tạm tính	<b>2.643.998.182</b>	<b>264.399.818</b>	<b>2.908.398.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	Gtv				
1	Chi phí khảo sát		Dự toán chi tiết	70.308.752	7.030.875	77.339.627
1.1	Chi phí khảo sát (không bao gồm phần thí nghiệm)			47.093.729	4.709.373	51.803.102
1.2	Thí nghiệm địa chất			23.215.023	2.321.502	25.536.525
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		$(G_{ks})^{\text{trước VAT}} \times 3,000\%$	2.109.263	210.926	2.320.189
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát		$(G_{ks})^{\text{trước VAT}} \times 4,072\%$	2.862.972	286.297	3.149.270
4	Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng)		$(G_{XD})^{\text{trước VAT}} \times 5,02\%$	132.728.709	13.272.871	146.001.580
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>228.810.665</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>					<b>228.811.000</b>